

Bản án số: 169/2024/HNGĐ - ST
Ngày 12 - 8 - 2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc San – Thư ký Tòa án

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thúy D**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.**

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: **Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 4 năm 2024, lời khai tại Tòa án và tại nguyên tòa nguyên đơn chị **Đỗ Thúy D** trình bày:

Về hôn nhân: Vào ngày 12/10/2018, được sự thống nhất của hai bên gia đình chị và anh **L** kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 12/10/2018. Qua thời gian sống chung thì anh chị sống rất hạnh phúc, vợ chồng yêu thương và chăm sóc gia đình, con cái. Nhưng thời gian từ tháng 4/2023, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị thường xuyên cự cãi, xô xát nhau, anh **L** không tôn trọng ý kiến của chị, thường xuyên nói những lời lẽ xúc phạm chị. Đến đỉnh điểm là tháng 01/2024 mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng hơn, anh **L** vô tâm, không chăm sóc và không có trách nhiệm với vợ con, cả hai thường dùng những lời lẽ xúc phạm nhau, anh **L** không đưa

tiền cho chị đề lo cho cuộc sống của gia đình. Anh chị đã sống ly thân khoảng 04 tháng nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Đỗ Thiên K, sinh ngày 06/10/2021, hiện nay cháu K sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu K theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày tại Biên bản làm việc ngày 04/7/2024 của Tòa án và tại phiên tòa:

Về hôn nhân: Vào ngày 12/10/2018, được sự thống nhất của gia đình anh và chị D kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 12/10/2018. Qua thời gian sống chung thì anh chị sống rất hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì trầm trọng với nhau, chỉ có lời qua tiếng lại về việc tiền bạc và nợ nần, cộng thêm mâu thuẫn giữa chị D với gia đình anh. Anh chị sống ly thân khoảng 03 tháng nay, anh thừa nhận có những lời lẽ xúc phạm chị D, anh đi làm thì ít ngày mới về nhà một lần. Anh có năn nỉ chị D và mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị D có thể hàn gắn được. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh thì anh không đồng ý vì anh còn thương chị D và con còn nhỏ, anh muốn lo cho con đến lớn.

Về con chung: Có một con chung là cháu Nguyễn Đỗ Thiên K, sinh ngày 06/10/2021, hiện nay cháu K sống cùng chị D. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu K cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Anh L xác định có nợ chung nhưng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thúy D nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn L. Khi khởi kiện, anh L cư trú tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **D** và anh **L** tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **N**, huyện **P**, tỉnh **Cà Mau** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 127, ngày 12 tháng 10 năm 2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị **D** về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị **D** và anh **L**, chị **D** yêu cầu được ly hôn với anh **L**. Tại phiên tòa, chị **D** vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh **L** vì anh **L** đã có lời lẽ xúc phạm chị, anh chị ly thân đã lâu, quan hệ hôn nhân giữa chị và anh **L** không còn khả năng hàn gắn. Anh **L** không đồng ý ly hôn vì anh còn thương chị **D** và con còn nhỏ, anh muốn lo cho con đến lớn, quan hệ hôn nhân giữa anh và chị **D** vẫn còn khả năng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị **D** và anh **L** mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau, anh chị có những lời lẽ xúc phạm nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị **D** yêu cầu được ly hôn với anh **L** là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị **D** và anh **L** có một con chung là cháu **Nguyễn Đỗ Thiên K**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021. Hiện nay, cháu **K** do chị **D** đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị **D** yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh **L** đồng ý giao cháu **K** cho chị **D** nuôi dưỡng. Từ đó, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị **D** và anh **L** về việc giao cháu **Nguyễn Đỗ Thiên K**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021 cho chị **D** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh **L** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị **D** yêu cầu anh **L** cấp dưỡng nuôi cháu **K** theo quy định của pháp luật. Anh **L** đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **K** mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu **K** tròn 18 tuổi. Xét thấy, yêu cầu của chị **D** về việc cấp dưỡng nuôi con phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, anh **L** cũng đồng ý cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị **D** và anh **L** về việc anh **L** cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Đỗ Thiên K**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021 mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu **K** tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 12 tháng 8 năm 2024.

[2.3] Về tài sản chung: Chị **D** và anh **L** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị **D** trình bày không có. Anh **L** trình bày có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị **D** và anh **L** có phát sinh tranh chấp về nợ chung, nợ riêng thì chị **D** và anh **L** đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị **Đỗ Thúy D** phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh **Nguyễn Văn L** phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Đỗ Thúy D** đối với anh **Nguyễn Văn L**. Xử cho chị **Đỗ Thúy D** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn L**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Đỗ Thiên K**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021 cho chị **Đỗ Thúy D** tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh **Nguyễn Văn L** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Buộc anh **Nguyễn Văn L** cấp dưỡng nuôi cháu **Nguyễn Đỗ Thiên K**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 2021 hàng tháng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 12 tháng 8 năm 2024.

Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, kể từ ngày chị **Đỗ Thúy D** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh **Nguyễn Văn L** không thi hành xong thì hàng tháng anh **L** còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị **Đỗ Thúy D** và anh **Nguyễn Văn L** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị **Đỗ Thúy D** trình bày không có. Anh

Nguyễn Văn L trình bày có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị **D** và anh **L** có phát sinh tranh chấp về nợ chung, nợ riêng thì chị **D** và anh **L** đều được quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Đỗ Thúy D** phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013086 ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị **Đỗ Thúy D** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng: Buộc anh **Nguyễn Văn L** phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm